| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SƠN DƯƠNG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: **56**/2019/HS-ST<br>Ngày 28/5/2019 | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh

- Các Hội thẩm nhân dân:Ông Hoàng Văn Hùng và bà Hoàng Thị Oanh

- ***Thư ký phiên toà***:Ông Hoàng Kỳ Khôi-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà***: Ông Phạm Tất Lợi-Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2019/HSST, ngày 26/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HS ngày 14/5/2019 đối với các bị cáo:

**1 – Phạm Văn T1**, sinh ngày 18/01/1990 tại Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T3, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; Vợ: Lương Thị N, sinh năm 1994; Con: có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**2 – Phạm Văn T2**, sinh ngày 18/02/1978 tại Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1931; Vợ: Đào Thị H, sinh năm 1979; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 40 phút ngày 09/01/2019, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra về tội phạm kinh tế Công an huyện Sơn Dương lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 về hành vi buôn bán hàng cấm. Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 22S1-148.31 và 04 khối hộp pháo đựng trong 01 thùng cát tông dán niêm phong có chữ ký của Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2.

Tại Kết luận giám định số 141/GĐKTHS ngày 11/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: 03 khối hộp bên trong có 36 vật hình trụ liên kết với nhau bằng dây màu xanh, kích thước mỗi khối hộp là (14,5 x 14,5 x 15)cm, đường kính mỗi vật hình trụ là 2,3cm; 01 khối hộp bên trong có 100 vật hình trụ liên kết với nhau bằng dây màu xanh, kích thước mỗi khối hộp là (24 x 24 x 15)cm, đường kính mỗi vật hình trụ là 2,2cm đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 8,5kg.

Quá trình điều tra Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 khai nhận: Khoảng cuối tháng 12/2018, Phạm Văn T1 (là lái xe thuê cho nhà A ở huyện P, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển xe ô tô (không nhớ biển kiểm soát) chở hàng từ Thái Nguyên đến thành phố Cao Bằng. Khi giao hàng xong T1 gặp và mua của một người đàn ông khoảng 30 tuổi không rõ tên, địa chỉ, 2.500.000đ được 04 hộp pháo (03 hộp pháo loại 36 quả với giá 500.000đ/01 hộp và 01 hộp pháo loại 100 quả giá 1.000.000đ/1 hộp). Sau đó T1 điều khiển xe ô tô chở 04 hộp pháo về huyện P, tỉnh Thái Nguyên và sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 22S1-148.31 chở 04 hộp pháo mua được về nhà và cất giấu ở chuồng lợn nhà T1.

Sáng ngày 09/01/2019, có một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ gọi điện thoại cho T1 hỏi mua 04 hộp pháo, T1 đồng ý và thống nhất giá 700.000đ/01 hộp pháo loại 36 quả, 1.400.000/01 hộp pháo loại 100 quả, hẹn tối ngày 09/01/2019 sẽ giao pháo và nhận tiền.

Khoảng 14 giờ ngày 09/01/2019, Phạm Văn T2 (là cậu của T1) đến nhà T1 chơi và được T1 cho xem số pháo T1 đang cất giấu ở chuồng lợn. Khoảng 18 giờ cùng ngày T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22S1-148.31đến nhà T2 và nhờ T2 ngồi sau xe mô tô cầm 04 hộp pháo được đựng trong bao tải để đi bán. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 2C thuộc Thôn A, xã T, huyện S thì bị tổ công tác Công an huyện Sơn Dương phát hiện và thu giữ số pháo trên.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 54/CT-VKSND, ngày 23/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 về tội *"Buôn bán hàng cấm"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 theo tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 phạm tội " *Buôn bán hàng cấm*".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

- Phạm Văn T1 từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba sáu) tháng;

- Phạm Văn T2 từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xem xét hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Ngoài lời khai nhận tội của các bị cáo, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định và toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 09/01/2019 tại khu vực Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 có hành vi buôn bán hàng cấm là 8,5 kg pháo. Khi T1 và T2 đang trên đường đi bán pháo thì bị phát hiện bắt giữ.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì

vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; ông nội bị cáo T1 (ông Phạm Văn B1) là liệt sỹ; ông ngoại bị cáo T2 (ông Đào Xuân T) được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú có ý kiến đề nghị cho các bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[5] Về mức án đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự, làm mất trật tự trị an tại địa phương, vi phạm chính sách cấm mua bán, tàng trữ, vận chuyển và đốt pháo nổ của Nhà nước. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, biết hành vi buôn bán pháo nổ là buôn bán hàng cấm và vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lời nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Phạm Văn T1 là người tìm mua pháo, chủ động rủ bị cáo T2 đi bán pháo cùng; bị cáo Phạm Văn T2 khi được T1 cho biết có pháo để bán đã không can ngăn và khi được rủ đi bán pháo đã thực hiện rất tích cực cùng T1 chở pháo đi bán. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho các bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 22S1-148.31, đây là tài sản chung của bị cáo T1 và vợ bị cáo, là phương tiện đi lại của gia đình. Khi bị cáo T1 lấy xe đi bán pháo vợ bị cáo không được biết nên cần trả lại cho bị cáo T1 nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Đối với 04 khối hộp pháo đựng trong 01 thùng cát tông có chữ ký dán niêm phong của Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 là tang vật của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông bán pháo nổ cho bị cáo T1 tại khu vực thành phố Cao Bằng và người đàn ông đã thỏa thuận mua pháo của T1 tại khu vực xã T, huyện S do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý nên HĐXX không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

* *Căn cứ vào*: Điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

**Tuyên bố*: Bị cáo Phạm Văn T1 và bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội Buôn bán hàng cấm

* *Xử phạt*:

- Bị cáo Phạm Văn T1 **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/5/2019.

- Bị cáo Phạm Văn T2 **01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/5/2019.

Giao các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 cho Uỷ ban nhân dân xã Thượng Ấm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T1 01 xe mô tô biển kiểm soát 22S1-148.31 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy 04 khối hộp pháo đựng trong 01 thùng cát tông có chữ ký dán niêm phong của Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương,lập ngày 07/5/2019).*

***** *Về án phí :* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Các bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

***** *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

(đã ký)

**Phạm Thị Quỳnh**